

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu và thời hạn xác định nộp khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị quyết số 44/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Quy định thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích từ đất trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Quy định mức thu và thời hạn xác định nộp khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của UBND tỉnh như sau:

“Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan đến việc thu, nộp khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

1. Các tổ chức, cá nhân được nhà nước giao đất, cho thuê đất khi chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước sang mục đích phi nông nghiệp:

a) Thực hiện thủ tục về nộp tiền bảo vệ đất trồng lúa khi chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước sang mục đích phi nông nghiệp theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 5a Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa (bổ sung tại khoản 3, Điều 1 Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ).

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan tài chính ký ban hành thông báo số tiền phải nộp; người được nhà nước giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào ngân sách nhà nước theo quy định. Quá thời hạn trên, người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất sẽ phải nộp thêm tiền chậm nộp đối với số tiền chưa nộp theo quy định của Pháp luật về quản lý thuế.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa gửi đến người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất làm căn cứ để xác định số tiền phải nộp đối với diện tích đất thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

b) Hàng quý (chậm nhất sau 05 ngày của tháng đầu quý sau) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp danh sách, số tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa của các cơ quan, tổ chức đã nộp trên cơ sở giấy nộp tiền kèm theo hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp thuộc cấp tỉnh quản lý, gửi Sở Tài chính để có cơ sở kiểm tra, đối chiếu khoản tiền đã thu vào ngân sách nhà nước.

c) Phối hợp với Sở Tài chính đôn đốc các cơ quan, tổ chức xin chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp nộp tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa vào ngân sách nhà nước theo quy định.

3. Sở Tài chính:

a) Xác định số tiền phải nộp theo quy định đối với diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận và thông báo cho người được nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định.

b) Hằng năm, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan, căn cứ kế hoạch chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, dự kiến nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa để tổng hợp vào dự toán thu, chi ngân sách địa phương báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định;

c) Phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh để theo dõi việc thu, hạch toán, quản lý khoản thu từ tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa của các cơ quan, tổ chức theo quy định.

d) Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, tổ chức xin chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp nộp tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa đã được Sở Tài chính thông báo xác định số tiền phải nộp nhưng chưa thực hiện nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Tổng hợp, đề xuất các nhiệm vụ, nội dung chi từ nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa do cấp tỉnh quản lý để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và quy định tại Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ.

b) Phối hợp với UBND cấp huyện đôn đốc, kiểm tra, chỉ đạo các địa phương, đơn vị thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, tổng hợp kết quả thực hiện hàng năm của các địa phương, đơn vị, báo cáo UBND tỉnh.

5. Kho bạc Nhà nước:

a) Căn cứ vào thông báo xác định số tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa phải nộp của cơ quan Tài chính có trách nhiệm thu và thực hiện hoạch toán số tiền thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào khoản thu ngân sách cấp tỉnh, tài khoản số 7111, mục thu khác tiểu mục 4914. Đồng thời, hướng dẫn cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo đúng quy định.

b) Cung cấp chứng từ nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa cho cơ quan tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước theo quy định.

6. UBND các huyện, thành phố:

a) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường: Xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa gửi đến người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất làm căn cứ để xác định số tiền phải nộp đối với diện tích đất thuộc thẩm quyền UBND huyện quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Hằng quý (chậm nhất sau 05 ngày của tháng đầu quý sau) Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp danh sách, số tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa của các hộ gia đình, cá nhân đã nộp trên cơ sở giấy nộp tiền kèm theo hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp thuộc cấp huyện quản lý, gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch để có cơ sở kiểm tra, đối chiếu khoản tiền đã thu vào ngân sách nhà nước.

b) Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch xác định số tiền phải nộp theo quy định đối với diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp được Phòng Tài nguyên và Môi trường xác nhận và thông báo cho người được nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định.

c) Quyết định giao đất; thực hiện thủ tục ký hợp đồng thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi người được nhà nước giao đất, cho thuê đất đã nộp tiền sử dụng, bảo vệ phát triển đất trồng lúa theo đúng quy định.

d) Chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, đề xuất các nhiệm vụ, nội dung chi từ nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa do cấp huyện quản lý để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và quy định tại khoản 4, Điều 1 của Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ.

e) Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn thông báo công khai, niêm yết giá đất của loại đất chuyên trồng lúa nước của các xã, phường, thị trấn do UBND tỉnh ban hành tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn để phục vụ cho việc xác định tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích sử dụng đất.”

Điều 2. Bãi bỏ khoản 2 và khoản 3, Điều 4 Quy định mức thu và thời hạn xác định nộp khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/10/2021.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thành phố; Kho bạc Nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc thì kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định./.

Nơi nhận:

Gửi bản giấy:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);

Gửi bản điện tử:

- Như Điều 4 (t/h);
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Báo Bắc Kạn; Đài PTTH tỉnh;
- LĐVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NCTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đăng Bình